

Bản án số: 109/2023/HS-ST

Ngày: 17 -05-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 280/2022/HSST ngày 30/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 30/01/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-HPT ngày 22/02/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HS ngày 28/04/2023 đối với bị cáo:

Trần S; Giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại Bà Rịa, Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: phường 14, quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đức L, và bà Ngô Thị C; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Lê Ngọc L và 01 con sinh năm 2020; Nhân thân ngày 06/12/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 05(năm) tù về tội “ Làm, tàng trữ tiền giả” theo bản án số 560/2022/HS-ST; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2021. (có mặt).

Bào chữa cho bị cáo Trần S, có bà Trần Thị Hồng Việt – Thuộc văn phòng luật sư Hồng Việt và cộng sự- Đoàn luật Sư Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần S quen biết và sống chung với Trương Thị Cẩm C, (sinh năm: 1998, nơi ĐHKHTT: phường Thiên An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk) từ cuối năm 2020 tại địa chỉ phường 8, quận Gò Vấp. Do không có tiền tiêu xài nên S rủ C làm giả giấy tờ, tài liệu để bán kiếm tiền thì C đồng ý. Đến tháng 05/2021, S và C cùng mua các loại máy móc phục vụ việc làm giả giấy tờ, con dấu, gồm: 01 bộ máy tính để bàn, 01 máy cắt giấy, 01 máy in màu, 01 máy ép nhựa, 01 máy khắc dấu cùng các phụ kiện có liên quan đến việc làm giả con dấu, tài liệu. S lập các tài khoản: Messenger tên “Tô Nhi”, Zalo tên “Mr. Đình Dung”, “Hoàng Yến” để giới thiệu làm giả được các giấy tờ, tài liệu. Khi khách hàng có nhu cầu làm giấy tờ giả sẽ liên lạc qua tài khoản Zalo “Mr. Đình Dung”, “Hoàng Yến” để liên hệ với S đặt mua rồi thỏa thuận giá tiền, nếu khách hàng đồng ý thì sẽ gửi thông tin cá nhân, hình ảnh qua Zalo cho S. Đồng thời S học cách thức làm giả trên mạng và đặt mua 10 bộ dấu tròn nổi và phôi làm giả con dấu với mục đích đóng dấu lên các tài liệu giả do S làm ra. Mỗi bộ dấu tròn nổi S mua với giá 500.000 đồng còn phôi làm giả S mua với giá 300.000 đồng. Sau đó, S làm giả các loại dấu tròn bằng nhựa mềm mặt dấu hình chữ nhật và các loại giấy tờ tài liệu giả như: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, bằng đại học, bằng cao đẳng, các chứng chỉ và nhiều loại tài liệu giấy tờ giả khác.

Cách thức S làm giả các con dấu nhựa mềm (tròn, hình chữ nhật) và các loại giấy tờ tài liệu giả như sau:

- Đối với con dấu nhựa mềm thì S in hình con dấu trên tờ giấy phim rồi để lên mặt kính và đổ keo polime khoảng 30 giây rồi lấy tấm phim ra rồi dán vào hộp mực dấu (S đã mua trên mạng sẵn) là đã hoàn thiện 01 con dấu nhựa mềm. Sau khi hoàn thiện thì S sử dụng con dấu đóng lên các tài liệu giả mà S đã làm. Các con dấu S làm ra không nhằm mục đích bán mà S chỉ phục vụ cho việc làm giả giấy tờ của S. S làm tổng cộng 36 con dấu gồm: 30 con dấu tròn nhựa mềm, 06 con dấu hình chữ nhật.

- Đối với các tài liệu giả như chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe ô tô, mô tô, các bằng đại học, các bằng cao đẳng và các loại chứng chỉ, tài liệu khác...S đã làm như sau: Khi mua các con dấu tròn nổi thì người bán cho S 01 mẫu File để làm giả các loại giấy tờ. S nhập thông tin của người cần làm giả, sau đó in ra màu để S ép plastic lại. Đối với các căn cước công dân, giấy phép lái xe, thẻ nhà báo.... làm bằng thẻ nhựa, S không làm được do không có máy móc và kinh nghiệm nên S tìm kiếm đăng tin trên mạng và đặt làm với số tiền 150.000 đồng 01 cái và bán lại cho khách có nhu cầu với số tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/cái. Đối với các loại giấy tờ giả S làm được như chứng minh nhân dân, các chứng chỉ, chứng nhận... thì S bán với giá 300.000 đồng. Riêng bằng đại học, sổ hộ khẩu S bán giá 500.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, S mua trên mạng đặt làm với giá 300.000 đồng và bán lại cho khách có nhu cầu làm giả với số tiền 1.500.000 đồng. S trực tiếp đăng tin trên Zalo,

nhận thông tin người có nhu cầu làm giả và trực tiếp làm giả các con dấu, tài liệu. Nhiều lúc bận thì S để C điền thông tin cá nhân khách hàng làm giả trên máy tính. S và C không trực tiếp giao giấy tờ, tài liệu giả và nhận tiền của khách mà gọi trên App để đặt xe ôm công nghệ hẹn ở một điểm nào đó (không cố định) để xe ôm đi giao và S, C cũng nhận tiền từ những người xe ôm này. Số tiền S và C làm giả giấy tờ, tài liệu bán cho khách có nhu cầu làm giả được khoảng 10.000.000 đồng, S và C đã tiêu xài cá nhân hết. Tại Cơ quan điều tra Trần S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (BL: 125-136)

Đối tượng Trương Thị Cẩm C, Cơ quan điều tra đã gửi giấy triệu tập và tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú nhưng không rõ C đang ở đâu và làm gì. Cơ quan điều tra ra quyết định truy tìm Trương Thị Cẩm C, khi nào làm việc được với C sẽ đề nghị xử lý sau. (BL: 117-124)

Đối với những người bán các con dấu, đưa File và hướng dẫn S làm giả giấy tờ, tài liệu và những người đặt S làm giả tài liệu cũng như những tài xế xe ôm công nghệ đi giao giấy tờ giả cho S (Những tài xế xe ôm này không biết được đi giao nhận các giấy tờ, tài liệu giả). S không rõ lai lịch của những người này nên Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp không mời làm việc được để làm rõ xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 thùng case, 01 màn hình, 01 chuột điện tử, 01 bàn phím, 01 ổ cứng, 01 máy cắt giấy, 01 máy in màu, 01 máy ép nhựa, 01 máy khắc dấu, 30 con dấu tròn bằng nhựa mềm, 06 mặt dấu hình chữ nhật, 10 bộ dấu tròn nổi, 103 giấy tờ giả các loại.

- Tại Bản kết luận giám định số 2418/KL ngày 31/5/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu cần giám định: 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 061834, tên chủ xe: Nguyễn Thành Luân, biển số đăng ký: 29F-286.82, đề ngày 25/6/2019 (ký hiệu A1), 01 (một) “ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY” số A0063794, tên chủ xe: TAND tỉnh Thanh Hóa, biển số: 36F1-4078, đề ngày 11/10/1999 (ký hiệu A2),

- 11 (mười một) “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” bao gồm: Số 011958631, họ tên: Bùi Thu Thủy, đề ngày 25/04/2013 (ký hiệu A3). Số 021587109, họ tên: Huỳnh Minh Trí, đề ngày 29/12/2013 (ký hiệu A4). Số 334820006, họ tên: Cao Thị Kim Ngân, đề ngày 13/06/2017 (ký hiệu A5). Số 303786456, họ tên: Hoàng Thị Thu Trang, đề ngày 20/04/2018 (ký hiệu A6). Số 225182339, họ tên: Nguyễn Thị Tuyết Linh, đề ngày 15/10/2016 (ký hiệu A7). Số 365039914, họ tên: Sơn Lâm Xung, đề ngày 18/05/2020 (ký hiệu A8). Số 385546954, họ tên: Tô Hón Hùng, đề ngày 30/10/2019 (ký hiệu A9). Số 173481262, họ tên: Lò Thị Sơn, đề ngày 22/11/2010 (ký hiệu A10). Số 341910923, họ tên: Phạm Duy Khánh, đề ngày 02/02/2017 (ký hiệu A11). Số 321633956, họ tên: Võ Nhật Trường, đề ngày 28/02/2020 (ký hiệu A12). Số 025891833, họ tên: Tô Hải Vỹ, đề ngày 13/11/2014 (ký hiệu A13).

- 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 50287979, tên chủ xe: Phạm Xuân Hoàng, biển số đăng ký: 51D-214.06, đề ngày 01/12/2021 (ký hiệu

A14). 03 (ba) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 29067421, tên chủ xe: Phạm Thị Thu Hồng, biển số đăng ký: 30E-390.52, đề ngày 26/4/2021 (ký hiệu A15, A16, A17). 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 98003615, không đề tên chủ xe, biển số đăng ký: 66H-002.60, đề ngày 12/8/2021 (ký hiệu A18). 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” số 50009972, tên chủ xe: Nguyễn Văn Thành, biển số đăng ký: 59A3-012.99, đề ngày 08/5/2021 (ký hiệu A19). 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” số 60000153, tên chủ xe: Phạm Thị Phụng, biển số đăng ký: 60H6-03078, đề ngày 20/5/2021 (ký hiệu A20). 01 (một) “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” số 60003346, tên chủ xe: Trương Mỹ Lan, biển số đăng ký: 60AB-06032, đề ngày 29/4/2021 (ký hiệu A21). 01 (một) “GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THUYỀN TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA” số AC00073992, họ và tên: Lê Thành Trung, hạng T2, đề ngày 20/4/2021 (ký hiệu A22). 01 (một) “THẺ NHÀ BÁO” số IBT05270, họ và tên: Lê Hoàng Cường, đề ngày cấp 20/02/2021, có giá trị đến 20/02/2026 (ký hiệu A23). 14 (mười bốn) “GIẤY PHÉP LÁI XE” bao gồm: Số 790216961458, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 25/03/2021 (ký hiệu A24) Số 790096025743, họ tên: Trương Văn Cường, đề ngày 10/08/2020 (ký hiệu A25). Số 860216598394, họ tên: Nguyễn Thanh Bình, đề ngày 25/02/2021 (ký hiệu A26). Số 960216617732, họ tên: Đỗ Tuấn Anh, đề ngày 20/05/2021 (ký hiệu A27). Số 790215322421, họ tên: Nguyễn Đức Hiếu, đề ngày 15/04/2021 (ký hiệu A28). Số 011213030725, họ tên: Nguyễn Thị Lan, đề ngày 10/06/2021 (ký hiệu A29). Số 020219825095, họ tên: Tấn Phú Sửu, đề ngày 05/10/2021 (ký hiệu A30). Số 820218001619, họ tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 10/03/2021 (ký hiệu A31) Số 791216912203, họ tên: Nguyễn Thị Thu Hằng, đề ngày 08/05/2021 (ký hiệu A32) Số 790215315200, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 10/03/2021 (ký hiệu A33) Số 610216489777, họ tên: Võ Ngọc Hiếu, đề ngày 01/07/2021 (ký hiệu A34) Số 800212004634, họ tên: Huỳnh Minh Đạt, đề ngày 05/05/2021 (ký hiệu A35) Số 740199310477, họ tên: Nguyễn Hữu Phước, đề ngày 21/11/2019 (ký hiệu A36) Số 341210345554, họ tên: Hoàng Xuân Thế, đề ngày 05/10/2021 (ký hiệu A37) 08 (tám) “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN” bao gồm: Số 019292160699, họ và tên: Nguyễn Tiến Trình, đề ngày 21/09/2021 (ký hiệu A38) Số 082697115983, họ và tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 11/04/2021 (ký hiệu A39) Số 051184005191, họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh, đề ngày 16/10/2019 (ký hiệu A40) Số 089304000794, họ và tên: Lê Thị Ngọc Ân, đề ngày 26/03/2021 (ký hiệu A41) Số 038092004755, họ và tên: Nguyễn Văn Trường, đề ngày 25/07/2019 (ký hiệu A42) Số 072071003587, họ và tên: Huỳnh Cao Trí, không đề ngày (ký hiệu A43) Số 079094016069, họ và tên Nguyễn Minh Tiến, đề ngày 21/06/2020 (ký hiệu A44) Số 038099012225, họ và tên: Trịnh Quang Tiến, đề ngày 04/07/2017 (ký hiệu A45), 01 (một) “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số DB623371, đề tên Phạm Tiến Dũng, đề ngày 08/9/2021 (ký hiệu A46) 01 (một)

“BẢNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số A0308149, đề tên Nguyễn Thế Hùng, đề ngày 09/7/2010 (ký hiệu A47). 01 (một) giấy “CHỨNG NHẬN” số đăng kí 202103116, đề tên Nguyễn Văn Khuyển, (ký hiệu A48). 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 190028826, không đề nội dung và không đề ngày (ký hiệu A49). 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 31230092342, đề họ và tên chủ hộ: Đào Thiện Chí, đề ngày 10/02/2010 (ký hiệu A50), 02 (hai) “TỜ KHAI NGUỒN GỐC XE MÁY NHẬP KHẨU” số 039918, đề liên 2: giao cho chủ phương tiện, tên đơn vị nhập khẩu: công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam, không đề ngày (ký hiệu A51), đề ngày 27/11/2012 (ký hiệu A52), 01 (một) “PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM” đề tên Nguyễn Hoài Thái Phong, đề ngày 08/12/2021 (ký hiệu A53), 01 (một) “PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM” đề tên Ngân Văn Búng, đề ngày 08/12/2021 (ký hiệu A54), 03 (ba) “HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG” liên 1, số 026352, mã số thuế: 0900219073, không đề ngày, đề đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam (ký hiệu A55, A57), đề đơn vị bán hàng: Công ty TNHH phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam (ký hiệu A56), 01 (một) “BẢNG CỬ NHÂN – Quản trị kinh doanh” số hiệu 1692305, đề tên Châu Bùi Mỹ Duyên, đề ngày 20/8/2020 (ký hiệu A58), 01 (một) “BẢNG CỬ NHÂN – KẾ TOÁN” số hiệu 0037357, đề tên Huỳnh Thảo Thiên Thanh, đề ngày 02/12/2020 (ký hiệu A59) và 30 (ba mươi) mặt dấu tròn, 05 (năm) bộ dấu tròn nổi và 06 (sáu) mặt dấu chữ nhật ký hiệu từ A60 đến A105.

- Phòng kỹ thuật hình sự công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận 58 (năm mươi tám) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12, A14 đến A59 (đã nêu ở mục II.1) là giả, 30 (ba mươi) mặt dấu tròn cần giám định ký hiệu từ A60 đến A89; mặt dấu chữ nhật cần giám định ký hiệu A94; 05 (năm) bộ dấu tròn nổi cần giám định ký hiệu từ A96 đến A105 (đã nêu ở mục II.1) là giả, 05 (năm) mặt dấu hình chữ nhật cần giám định ký hiệu từ A90 đến A93, A95 do không có mẫu so sánh tương ứng nên không đủ cơ sở kết luận. “Giấy chứng minh nhân dân” cần giám định A13 là thật.

Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng số vật chứng nêu trên theo Phiếu nhập kho số 184/PNK ngày 09 tháng 12 năm 2022.

Tại bản cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 22/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo Trần S về tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đưa ra quan điểm xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần S từ 03 đến 04 năm tù, tổng hợp hình phạt của bản án số 560/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo

05(năm) tù về tội “Làm, tàng trữ tiền giả”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 08 đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 thùng case, 01 màn hình, 01 chuột điện tử, 01 bàn phím, 01 ổ cứng, 01 máy cắt giấy, 01 máy in màu, 01 máy ép nhựa, 01 máy khắc dấu.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 giấy “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 061834, tên chủ xe: Nguyễn Thành Luân, biển số đăng ký: 29F-286.82, đề ngày 25/6/2019, 01 (một) “đăng ký mô tô, xe máy” số A0063794, tên chủ xe: TAND tỉnh Thanh Hóa, biển số: 36F1-4078, đề ngày 11/10/1999, 11 (mười một) “giấy chứng minh nhân dân” bao gồm: Số 011958631, họ tên: Bùi Thu Thủy, đề ngày 25/04/2013. Số 021587109, họ tên: Huỳnh Minh Trí, đề ngày 29/12/2013. Số 334820006, họ tên: Cao Thị Kim Ngân, đề ngày 13/06/2017. Số 303786456, họ tên: Hoàng Thị Thu Trang, đề ngày 20/04/2018. Số 225182339, họ tên: Nguyễn Thị Tuyết Linh, đề ngày 15/10/2016. Số 365039914, họ tên: Sơn Lâm Xung, đề ngày 18/05/2020. Số 385546954, họ tên: Tô Hớn Hùng, đề ngày 30/10/2019. Số 173481262, họ tên: Lò Thị Sơn, đề ngày 22/11/2010. Số 341910923, họ tên: Phạm Duy Khánh, đề ngày 02/02/2017, Số 321633956, họ tên: Võ Nhật Trường, đề ngày 28/02/2020. Số 025891833, họ tên: Tô Hải Vỹ, đề ngày 13/11/2014, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 50287979, tên chủ xe: Phạm Xuân Hoàng, biển số đăng ký: 51D-214.06, đề ngày 01/12/2021. 03 (ba) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 29067421, tên chủ xe: Phạm Thị Thu Hồng, biển số đăng ký: 30E-390.52, đề ngày 26/4/2021, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 98003615, không đề tên chủ xe, biển số đăng ký: 66H-002.60, đề ngày 12/8/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 50009972, tên chủ xe: Nguyễn Văn Thành, biển số đăng ký: 59A3-012.99, đề ngày 08/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60000153, tên chủ xe: Phạm Thị Phụng, biển số đăng ký: 60H6-03078, đề ngày 20/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60003346, tên chủ xe: Trương Mỹ Lan, biển số đăng ký: 60AB-06032, đề ngày 29/4/2021. 01 (một) “giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa” số AC00073992, họ và tên: Lê Thành Trung, hạng T2, đề ngày 20/4/2021. 01 (một) “Thẻ Nhà Báo” số IBT05270, họ và tên: Lê Hoàng Cường, đề ngày cấp 20/02/2021, có giá trị đến 20/02/2026. 14 (mười bốn) “giấy phép lái xe” bao gồm: Số 790216961458, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 25/03/2021, Số 790096025743, họ tên: Trương Văn Cường, đề ngày 10/08/2020 Số 860216598394, họ tên: Nguyễn Thanh Bình, đề ngày 25/02/202, Số 960216617732, họ tên: Đỗ Tuấn Anh, đề ngày 20/05/2021. Số 790215322421, họ tên: Nguyễn Đức Hiếu, đề ngày 15/04/2021 Số 011213030725, họ tên: Nguyễn Thị Lan, đề ngày 10/06/2021. Số 020219825095, họ tên: Tấn Phủ Sửu, đề ngày 05/10/2021 Số 820218001619, họ tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 10/03/2021 Số 791216912203, họ tên: Nguyễn Thị Thu Hằng, đề ngày 08/05/2021 Số

790215315200, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 10/03/2021 Số 610216489777, họ tên: Võ Ngọc Hiếu, đề ngày 01/07/2021 Số 800212004634, họ tên: Huỳnh Minh Đạt, đề ngày 05/05/2022 Số 740199310477, họ tên: Nguyễn Hữu Phước, đề ngày 21/11/2019 Số 341210345554, họ tên: Hoàng Xuân Thế, đề ngày 05/10/2021 08 (tám) “căn cước công dân” bao gồm: Số 019292160699, họ và tên: Nguyễn Tiến Trình, đề ngày 21/09/2021 Số 082697115983, họ và tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 11/04/2021 Số 051184005191, họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh, đề ngày 16/10/2019 Số 089304000794, họ và tên: Lê Thị Ngọc Ân, đề ngày 26/03/2021 Số 038092004755, họ và tên: Nguyễn Văn Trường, đề ngày 25/07/2019 Số 072071003587, họ và tên: Huỳnh Cao Trí, không đề ngày Số 079094016069, họ và tên Nguyễn Minh Tiến, đề ngày 21/06/2020 Số 038099012225, họ và tên: Trịnh Quang Tiến, đề ngày 04/07/2017, 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DB623371, đề tên Phạm Tiến Dũng, đề ngày 08/9/2021 (ký hiệu A46) 01 (một) “bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” số A0308149, đề tên Nguyễn Thế Hùng, đề ngày 09/7/2010. 01 (một) giấy “chứng nhận” số đăng kí 202103116, đề tên Nguyễn Văn Khuyến, 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 190028826, không đề nội dung và không đề ngày. 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 31230092342, đề họ và tên chủ hộ: Đào Thiện Chí, đề ngày 10/02/2010, 02 (hai) “tờ khai nguồn gốc xe máy nhập khẩu” số 039918, đề liên 2: giao cho chủ phương tiện, tên đơn vị nhập khẩu: công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam, không đề ngày (ký hiệu A51), đề ngày 27/11/2012, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Nguyễn Hoài Thái Phong, đề ngày 08/12/2021, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Ngân Văn Búng, đề ngày 08/12/2021, 03 (ba) “hóa đơn giá trị gia tăng” liên 1, số 026352, mã số thuế: 0900219073, không đề ngày, đề đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, đề đơn vị bán hàng: Công ty TNHH phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, 01 (một) “bằng cử nhân – Quản trị kinh doanh” số hiệu 1692305, đề tên Châu Bùi Mỹ Duyên, đề ngày 20/8/2020, 01 (một) “bằng cử nhân – kế toán” số hiệu 0037357, đề tên Huỳnh Thảo Thiên Thanh, đề ngày 02/12/2020 và 30 (ba mươi) mặt dấu tròn và 06 (sáu) mặt dấu chữ nhật.

- Phạt bổ sung bị cáo Trần S số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trần S, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết: tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng có ông ngoại và bà Ngoại là liệt sỹ. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì bị cáo Trần S đã khai nhận hành vi phạm tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối chiếu với điều luật tương ứng do Bộ luật hình sự quy định, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của bị cáo Trần S đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà Nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, đến các hoạt động của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn tiếp tay tạo điều kiện thúc đẩy cho các đối tượng xấu trong xã hội thực hiện các hành vi phạm tội khác ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của cộng đồng dân cư trong xã hội, bị cáo có đủ năng lực nhận thức để biết rõ hành vi làm giả con dấu giấy tờ hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn kiếm tiền tiêu xài nên bị cáo S làm giả trên 06 con dấu, giấy tờ, tài liệu khác và đã thu lợi bất chính số tiền 10.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. Do đó cần phải có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo các tình tiết, tại Cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, Gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông ngoại và bà ngoại của bị cáo là liệt sỹ, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 06/12/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Làm và tàng trữ tiền giả” theo khoản 2 điều 207 của Bộ luật hình sự 2015 án đã có hiệu lực thi hành, nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung được qui định tại khoản 4 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án nên phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000(mười triệu) đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 giấy “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 061834, tên chủ xe: Nguyễn Thành Luân, biển số đăng ký: 29F-286.82, đề ngày 25/6/2019, 01 (một) “đăng ký mô tô, xe máy” số A0063794, tên chủ xe: TAND tỉnh Thanh Hóa, biển số: 36F1-4078, đề ngày 11/10/1999, 11 (mười một) “giấy chứng minh nhân dân” bao gồm: Số 011958631, họ tên: Bùi Thu Thủy, đề ngày 25/04/2013. Số 021587109, họ tên: Huỳnh Minh Trí, đề ngày 29/12/2013. Số 334820006, họ tên: Cao Thị Kim Ngân, đề ngày 13/06/2017. Số 303786456, họ tên: Hoàng Thị Thu Trang, đề ngày 20/04/2018. Số 225182339, họ tên: Nguyễn Thị Tuyết Linh, đề ngày 15/10/2016. Số 365039914, họ tên: Sơn Lâm Xung, đề ngày 18/05/2020. Số 385546954, họ tên: Tô Hớn Hùng, đề ngày 30/10/2019. Số 173481262, họ tên: Lò Thị Sơn, đề ngày 22/11/2010. Số 341910923, họ tên: Phạm Duy Khánh, đề ngày 02/02/2017, Số 321633956, họ tên: Võ Nhật Trường, đề ngày 28/02/2020. Số 025891833, họ tên: Tô Hải Vỹ, đề ngày 13/11/2014, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 50287979, tên chủ xe: Phạm Xuân Hoàng, biển số đăng ký: 51D-214.06, đề ngày 01/12/2021. 03 (ba) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 29067421, tên chủ xe: Phạm Thị Thu Hồng, biển số đăng ký: 30E-390.52, đề ngày 26/4/2021, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 98003615, không đề tên chủ xe, biển số đăng ký: 66H-002.60, đề ngày 12/8/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 50009972, tên chủ xe: Nguyễn Văn Thành, biển số đăng ký: 59A3-012.99, đề ngày 08/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60000153, tên chủ xe: Phạm Thị Phụng, biển số đăng ký: 60H6-03078, đề ngày 20/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60003346, tên chủ xe: Trương Mỹ Lan, biển số đăng ký: 60AB-06032, đề ngày 29/4/2021. 01 (một) “giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa” số AC00073992, họ và tên: Lê Thành Trung, hạng T2, đề ngày 20/4/2021. 01 (một) “Thẻ Nhà Báo” số IBT05270, họ và tên: Lê Hoàng Cường, đề ngày cấp 20/02/2021, có giá trị đến 20/02/2026. 14 (mười bốn) “giấy phép lái xe” bao gồm: Số 790216961458, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 25/03/2021, Số 790096025743, họ tên: Trương Văn Cường, đề ngày 10/08/2020 Số 860216598394, họ tên: Nguyễn Thanh Bình, đề ngày 25/02/202, Số 960216617732, họ tên: Đỗ Tuấn Anh, đề ngày 20/05/2021. Số 790215322421, họ tên: Nguyễn Đức Hiếu, đề ngày 15/04/2021 Số 011213030725, họ tên: Nguyễn Thị Lan, đề ngày 10/06/2021. Số 020219825095, họ tên: Tân Phú Sửu, đề ngày 05/10/2021 Số 820218001619, họ tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 10/03/2021 Số 791216912203, họ tên: Nguyễn Thị Thu Hằng, đề ngày 08/05/2021 Số 790215315200, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 10/03/2021 Số 610216489777, họ tên: Võ Ngọc Hiếu, đề ngày 01/07/2021 Số

800212004634, họ tên: Huỳnh Minh Đạt, đề ngày 05/05/2022 Số 740199310477, họ tên: Nguyễn Hữu Phước, đề ngày 21/11/2019 Số 341210345554, họ tên: Hoàng Xuân Thế, đề ngày 05/10/2021 08 (tám) “căn cước công dân” bao gồm: Số 019292160699, họ và tên: Nguyễn Tiến Trình, đề ngày 21/09/2021 Số 082697115983, họ và tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 11/04/2021 Số 051184005191, họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh, đề ngày 16/10/2019 Số 089304000794, họ và tên: Lê Thị Ngọc Ân, đề ngày 26/03/2021 Số 038092004755, họ và tên: Nguyễn Văn Trường, đề ngày 25/07/2019 Số 072071003587, họ và tên: Huỳnh Cao Trí, không đề ngày Số 079094016069, họ và tên Nguyễn Minh Tiến, đề ngày 21/06/2020 Số 038099012225, họ và tên: Trịnh Quang Tiến, đề ngày 04/07/2017, 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DB623371, đề tên Phạm Tiến Dũng, đề ngày 08/9/2021 (ký hiệu A46) 01 (một) “bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” số A0308149, đề tên Nguyễn Thế Hùng, đề ngày 09/7/2010. 01 (một) giấy “chứng nhận” số đăng kí 202103116, đề tên Nguyễn Văn Khuyến, 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 190028826, không đề nội dung và không đề ngày. 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 31230092342, đề họ và tên chủ hộ: Đào Thiện Chí, đề ngày 10/02/2010, 02 (hai) “tờ khai nguồn gốc xe máy nhập khẩu” số 039918, đề liên 2: giao cho chủ phương tiện, tên đơn vị nhập khẩu: công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam, không đề ngày (ký hiệu A51), đề ngày 27/11/2012, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Nguyễn Hoài Thái Phong, đề ngày 08/12/2021, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Ngân Văn Búng, đề ngày 08/12/2021, 03 (ba) “hóa đơn giá trị gia tăng” liên 1, số 026352, mã số thuế: 0900219073, không đề ngày, đề đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, đề đơn vị bán hàng: Công ty TNHH phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, 01 (một) “bằng cử nhân – Quản trị kinh doanh” số hiệu 1692305, đề tên Châu Bùi Mỹ Duyên, đề ngày 20/8/2020, 01 (một) “bằng cử nhân – kế toán” số hiệu 0037357, đề tên Huỳnh Thảo Thiên Thanh, đề ngày 02/12/2020 và 30 (ba mươi) mặt dấu tròn, 05 (năm) bộ dấu tròn nổi và 06 (sáu) mặt dấu chữ nhật, qua giám định là giả và các con dấu tài liệu không giám định được nhưng bị cáo khai do mình trực tiếp làm giả, các tài liệu bị cáo làm giả, bị cáo tự nghĩ ra tên, tuổi và địa chỉ, mục đích để quảng cáo trên mạng xã hội để cho các đối tượng đặt bị cáo làm giả giấy tờ, nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 thùng case, 01 màn hình, 01 chuột điện tử, 01 bàn phím, 01 ổ cứng và 01 máy cắt giấy, 01 máy in màu, 01 máy ép nhựa, 01 máy khắc dấu là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Quá trình làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức bị cáo đã thu lợi bất chính 10.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với đối tượng Trương Thị Cẩm C, Cơ quan điều tra đã gửi giấy triệu tập và tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú nhưng

không rõ C đang ở đâu. Cơ quan điều tra ra quyết định truy tìm Trương Thị Cẩm C, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Xét lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần S phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần S 03(ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của bản án số 560/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 05(năm) tù về tội “Làm, tàng trữ tiền giả”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08(tám) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/12/2021.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 bộ máy tính để bàn gồm: 01 thùng case, 01 màn hình, 01 chuột điện tử, 01 bàn phím, 01 ổ cứng và 01 máy cắt giấy, 01 máy in màu, 01 máy ép nhựa, 01 máy khắc dấu.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 giấy “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 061834, tên chủ xe: Nguyễn Thành Luân, biển số đăng ký: 29F-286.82, đề ngày 25/6/2019, 01 (một) “đăng ký mô tô, xe máy” số A0063794, tên chủ xe: TAND tỉnh Thanh Hóa, biển số: 36F1-4078, đề ngày 11/10/1999, 11 (mười một) “giấy chứng minh nhân dân” bao gồm: Số 011958631, họ tên: Bùi Thu Thủy, đề ngày 25/04/2013. Số 021587109, họ tên: Huỳnh Minh Trí, đề ngày 29/12/2013. Số 334820006, họ tên: Cao Thị Kim Ngân, đề ngày 13/06/2017. Số 303786456, họ tên: Hoàng Thị Thu Trang, đề ngày 20/04/2018. Số 225182339, họ tên: Nguyễn Thị Tuyết Linh, đề ngày 15/10/2016. Số 365039914, họ tên: Sơn Lâm Xung, đề ngày 18/05/2020. Số 385546954, họ tên: Tô Hớn Hùng, đề ngày 30/10/2019. Số 173481262, họ tên: Lò Thị Sơn, đề ngày 22/11/2010. Số 341910923, họ tên: Phạm Duy Khánh, đề ngày 02/02/2017, Số 321633956, họ tên: Võ Nhật Trường, đề ngày 28/02/2020. Số 025891833, họ tên: Tô Hải Vỹ, đề ngày 13/11/2014, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 50287979, tên chủ xe: Phạm Xuân Hoàng, biển số đăng ký: 51D-214.06, đề ngày 01/12/2021. 03 (ba) “chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 29067421, tên chủ xe: Phạm Thị Thu Hồng, biển số đăng ký: 30E-390.52, đề ngày 26/4/2021, 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe

máy” số 98003615, không đề tên chủ xe, biển số đăng ký: 66H-002.60, đề ngày 12/8/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 50009972, tên chủ xe: Nguyễn Văn Thành, biển số đăng ký: 59A3-012.99, đề ngày 08/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60000153, tên chủ xe: Phạm Thị Phụng, biển số đăng ký: 60H6-03078, đề ngày 20/5/2021. 01 (một) “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 60003346, tên chủ xe: Trương Mỹ Lan, biển số đăng ký: 60AB-06032, đề ngày 29/4/2021. 01 (một) “giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa” số AC00073992, họ và tên: Lê Thành Trung, hạng T2, đề ngày 20/4/2021. 01 (một) “Thẻ Nhà Báo” số IBT05270, họ và tên: Lê Hoàng Cường, đề ngày cấp 20/02/2021, có giá trị đến 20/02/2026. 14 (mười bốn) “giấy phép lái xe” bao gồm: Số 790216961458, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 25/03/2021, Số 790096025743, họ tên: Trương Văn Cường, đề ngày 10/08/2020 Số 860216598394, họ tên: Nguyễn Thanh Bình, đề ngày 25/02/202, Số 960216617732, họ tên: Đỗ Tuấn Anh, đề ngày 20/05/2021. Số 790215322421, họ tên: Nguyễn Đức Hiếu, đề ngày 15/04/2021 Số 011213030725, họ tên: Nguyễn Thị Lan, đề ngày 10/06/2021. Số 020219825095, họ tên: Tân Phú Sửu, đề ngày 05/10/2021 Số 820218001619, họ tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 10/03/2021 Số 791216912203, họ tên: Nguyễn Thị Thu Hằng, đề ngày 08/05/2021 Số 790215315200, họ tên: Huỳnh Thanh Lâm, đề ngày 10/03/2021 Số 610216489777, họ tên: Võ Ngọc Hiếu, đề ngày 01/07/2021 Số 800212004634, họ tên: Huỳnh Minh Đạt, đề ngày 05/05/2022 Số 740199310477, họ tên: Nguyễn Hữu Phước, đề ngày 21/11/2019 Số 341210345554, họ tên: Hoàng Xuân Thế, đề ngày 05/10/2021 08 (tám) “căn cước công dân” bao gồm: Số 019292160699, họ và tên: Nguyễn Tiến Trình, đề ngày 21/09/2021 Số 082697115983, họ và tên: Trần Tuấn Thanh, đề ngày 11/04/2021 Số 051184005191, họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh, đề ngày 16/10/2019 Số 089304000794, họ và tên: Lê Thị Ngọc Ân, đề ngày 26/03/2021 Số 038092004755, họ và tên: Nguyễn Văn Trường, đề ngày 25/07/2019 Số 072071003587, họ và tên: Huỳnh Cao Trí, không đề ngày Số 079094016069, họ và tên Nguyễn Minh Tiến, đề ngày 21/06/2020 Số 038099012225, họ và tên: Trịnh Quang Tiến, đề ngày 04/07/2017, 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DB623371, đề tên Phạm Tiến Dũng, đề ngày 08/9/2021 01 (một) “bằng tốt nghiệp trung học phổ thông” số A0308149, đề tên Nguyễn Thế Hùng, đề ngày 09/7/2010. 01 (một) giấy “chứng nhận” số đăng kí 202103116, đề tên Nguyễn Văn Khuyển, 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 190028826, không đề nội dung và không đề ngày. 01 (một) “SỔ HỘ KHẨU” số 31230092342, đề họ và tên chủ hộ: Đào Thiện Chí, đề ngày 10/02/2010, 02 (hai) “tờ khai nguồn gốc xe máy nhập khẩu” số 039918, đề liên 2: giao cho chủ phương tiện, tên đơn vị nhập khẩu: công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam, không đề ngày, đề ngày 27/11/2012, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Nguyễn Hoài Thái Phong, đề ngày 08/12/2021, 01 (một) “phiếu trả lời kết quả xét nghiệm” đề tên Ngân Văn

Búng, đề ngày 08/12/2021, 03 (ba) “hóa đơn giá trị gia tăng” liên 1, số 026352, mã số thuế: 0900219073, không đề ngày, đề đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, đề đơn vị bán hàng: Công ty TNHH phát triển và đầu tư công nghệ Việt Nam, 01 (một) “bằng cử nhân – Quản trị kinh doanh” số hiệu 1692305, đề tên Châu Bùi Mỹ Duyên, đề ngày 20/8/2020, 01 (một) “bằng cử nhân – kế toán” số hiệu 0037357, đề tên Huỳnh Thảo Thiên Thanh, đề ngày 02/12/2020 và 30 (ba mươi) mặt dấu tròn, 05 (năm) bộ dấu tròn nổi và 06 (sáu) mặt dấu chữ nhật.

Theo (phiếu nhập kho vật chứng số 184/PNK ngày 09 tháng 12 năm 2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Gò Vấp).

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000(mười triệu) đồng và nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000(mười triệu) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhân;

-TAND TPHCM;

-Viện kiểm sát quận Gò Vấp;

-Công an quận Gò Vấp;

-Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;

-Người tham gia tố tụng;

-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tường Linh